TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ - ST
Ngày 11 tháng 01 năm 2023
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Quỳnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Thanh Hương
2. Bà Vũ Thị Thu Liễu

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Xuân Chín- Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Oanh- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hạ Thị X, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn 4, xã V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

- Bị đơn: Anh Bùi Xuân T, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Hạ Thị X trình bày:

Chị kết hôn với anh Bùi Xuân T ngày 10/3/2014, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc. Cưới xong vợ chồng chị về ở chung cùng mẹ đẻ anh T. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Vợ chồng biết bảo ban nhau làm ăn. Đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Anh T bộc lộ tính ăn chơi, cả hai đã nhiều lần ngồi lại để cùng nhau nói chuyện, hàn gắn nhưng vẫn

không đoàn tụ được vì không còn tiếng nói chung. Cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, áp lực. Chị và anh T ly thân từ năm 2020 đến nay không ai quan tâm đến ai nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã ở mức trầm trọng, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Về con chung: Chị và anh T không có con chung. Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Xuân T vắng mặt nhưng trước đó đã trình bày: Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống ban đầu như chị X trình bày là đúng. Tuy nhiên năm 2020, anh làm ăn thua lỗ và nợ nần nên chị X chán nản và bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh chị sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay chị X làm đơn xin ly hôn, anh cũng nhất trí ly hôn để giải thoát cho chị X. Về con chung: Anh và chị X không có con chung. Về tài sản chung, công nợ, đất canh tác: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết

Về phía UBND xã Đ cung cấp: Chị X và anh T kết hôn với nhau ngày 10/3/2014 và được UBND xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc kết hôn của chị X và anh T không thuộc trường hợp bị đe dọa, cưỡng ép kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị X và anh T thì Ủy ban nhân dân xã không biết. Nay chị X xin ly hôn anh T, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã B nơi anh T đang sinh sống cho biết: Chị Hà Thị X và anh Bùi Xuân T không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã B. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị X thì Ủy ban nhân dân xã B không biết vì thực tế các khối đoàn thể hay Ủy ban nhân dân xã B đều không nhận được đơn đề nghị giải quyết mâu thuẫn vợ chồng của chị X và anh T. Về con chung: Chị X và anh T không có con chung. Nay chị X có đơn xin ly hôn anh T và các mối quan hệ khác trong vụ án giữa chị X và anh T, Ủy ban nhân dân xã đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự. Ủy ban nhân dân xã B không nhận được bất kỳ đơn thư tố cáo của tổ chức hay cá nhân nào liên quan đến chị X và anh T về hành vi vi phạm pháp luật. Anh T hiện không có hộ khẩu tại địa phương nhưng anh T đang làm ăn sinh sống tại địa phương khoảng 10 năm nay. Hiện anh T đang sinh sống tại thôn P, xã B, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị X, anh T đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Cho chị Hạ Thị X được ly hôn anh Bùi Xuân T; Về tài sản, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Chị X và anh T không đề nghị giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Chị Hạ Thị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Hạ Thị X khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Bùi Xuân T, có hộ khẩu thường trú tại: Thôn Đ, xã D, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc. Tuy nhiên hiện tại anh T đang làm ăn sinh sống tại thôn P, xã B, huyện Vĩnh Tường và anh T đã có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường là Tòa giải quyết vụ việc ly hôn của anh chị. Theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hạ Thị X và anh Bùi Xuân T đăng ký kết hôn ngày 10/3/2014 tại UBND xã Đ, huyện Tam Đảo. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh T là tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xem xét hôn nhân giữa chị X và anh T thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng giữa chị X và anh T có rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân như chị X trình bày do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng không hạnh phúc. Anh T chơi bời không chịu làm ăn. Chị và anh T đã nhiều lần ngồi lại với nhau nhưng không hàn gắn được.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh T có hộ khẩu và nơi anh T sinh sống cho biết: Chính quyền địa phương không nắm được việc mâu thuẫn vợ chồng giữa chị X và anh T. Việc chị X xin ly hôn và các mối quan hệ khác trong vụ án, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về phía anh T cũng thừa nhận anh và chị X có mâu thuẫn do anh làm ăn thua lỗ, nợ nần khiến chị X chán nản và bỏ về nhà mẹ đẻ, cuộc sống vợ chồng không còn tiếng nói chung nên chị X xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị X và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị X xin ly hôn là chính đáng, phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị X và anh T không có con chung.

[4]. Về tài sản chung, công nợ, công sức lao động, đất nông nghiệp: Chị X và anh T không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị X phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Hạ Thị X được ly hôn anh Bùi Xuân T.

2. Về nuôi con chung: Chị X và anh T không có con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức lao động, đất nông nghiệp: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hạ Thị X phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005625 ngày 04/10/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Chị X đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường.
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Hoàng Thị Quỳnh